PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân

Phụ lục II. QUY TẮC CỤ THỂ MẶT HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ thuộc Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân)

(Tiếp theo Công báo số 1031 + 1032)

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 55. Xơ sợi staple nhân tạo *Chú thích: Nếu tiêu chí xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm liên tiếp thì công đoạn giặt và sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này*			
55.01		**Tô (tow) filament tổng hợp**	
5501	10	- Từ nylon hoặc từ polyamit khác	RVC (40) hoặc CC
5501	20	- Từ các polyeste	RVC (40) hoặc CC
5501	30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC (40) hoặc CC
5501	40	- Từ polypropylen	RVC (40) hoặc CC
5501	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
5502	**00**	**Tô (tow) filament nhân tạo**	RVC (40) hoặc CC
55.03		**Xơ staple tổng hợp, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi**	
		- Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác:	
5503	11	- - Từ aramit	RVC (40) hoặc CC
5503	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
5503	20	- Từ polyeste	RVC (40) hoặc CC
5503	30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC (40) hoặc CC
5503	40	- Từ polypropylen	RVC (40) hoặc CC
5503	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
55.04		**Xơ staple tái tạo, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi**	
5504	10	- Từ viscose rayon	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5504	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
55.05		**Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo**	
5505	10	- Từ các xơ tổng hợp	RVC (40) hoặc CTH
5505	20	- Từ các xơ tái tạo	RVC (40) hoặc CTH
55.06		**Xơ staple tổng hợp, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi**	
5506	10	- Từ nylon hay từ polyamit khác	RVC (40) hoặc CC
5506	20	- Từ polyeste	RVC (40) hoặc CC
5506	30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC (40) hoặc CC
5506	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
5507	**00**	**Xơ staple nhân tạo, đã chải thô, chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi**	RVC (40) hoặc CC
55.08		**Chỉ khâu làm từ xơ staple nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ**	
5508	10	- Từ xơ staple tổng hợp	CTH
5508	20	- Từ xơ staple nhân tạo	CTH
55.09		**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ**	
		- Có tỷ trọng xơ staple bằng ni lông hoặc các polyamit khác từ 85% trở lên:	
5509	11	- - Sợi đơn	CTH
5509	12	- - Sợi xe (foled) hoặc sợi cáp	CTH
		- Có tỷ trọng xơ staple polyeste từ 85% trở lên:	
5509	21	- - Sợi đơn	CTH
5509	22	- - Sợi xe (foled) hoặc sợi cáp	CTH
		- Có tỷ trọng xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic từ 85% trở lên:	
5509	31	- - Sợi đơn	CTH
5509	32	- - Sợi xe (foled) hoặc sợi cáp	CTH
		- Sợi khác, có tỷ trọng xơ staple tổng hợp từ 85% trở lên:	
5509	41	- - Sợi đơn	CTH
5509	42	- - Sợi xe (foled) hoặc sợi cáp	CTH
		- Sợi khác, từ xơ staple polyeste:	
5509	51	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple nhân tạo	CTH
5509	52	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn	CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5509	53	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
5509	59	- - Loại khác	CTH
		- Sợi khác, từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:	
5509	61	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn	CTH
5509	62	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
5509	69	- - Loại khác	CTH
		- Sợi khác:	
5509	91	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn	CTH
5509	92	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
5509	99	- - Loại khác	CTH
55.10		**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ**	
		- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:	
5510	11	- - Sợi đơn	CTH
5510	12	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
5510	20	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với lông cừu hay lông động vật loại mịn	CTH
5510	30	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với bông	CTH
5510	90	- Sợi khác	CTH
55.11		**Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple nhân tạo, đã đóng gói để bán lẻ**	
5511	10	- Từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này từ 85% trở lên	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
5511	20	- Từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
5511	30	- Từ xơ staple nhân tạo	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
55.12		**Các loại vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này từ 85% trở lên**	RVC (40) hoặc CTH
		- Có tỷ trọng xơ staple polyeste từ 85% trở lên:	
5512	11	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5512	19	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có tỷ trọng xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic từ 85% trở lên:	
5512	21	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5512	29	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
5512	91	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5512	99	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
55.13		**Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng không quá 170 g/m^2**	
		- Chưa hoặc đã tẩy trắng:	
5513	11	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC (40) hoặc CTH
5513	12	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC (40) hoặc CTH
5513	13	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	RVC (40) hoặc CTH
5513	19	- - Vải dệt thoi khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
5513	21	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5513	23	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5513	29	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Từ các sợi có các màu khác nhau:	
5513	31	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC (40) hoặc CTH
5513	39	- - Vải dệt thoi khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Đã in:	
5513	41	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5513	49	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.14		**Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng trên 170 g/m^2**	
		- Chưa hoặc đã tẩy trắng:	
5514	11	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC (40) hoặc CTH
5514	12	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC (40) hoặc CTH
5514	19	- - Vải dệt thoi khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
5514	21	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5514	22	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5514	23	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5514	29	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5514	30	- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC (40) hoặc CTH
		- Đã in:	
5514	41	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5514	42	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5514	43	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5514	49	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.15		**Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp**	
		- Từ xơ staple polyeste:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5515	11	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple viscose rayon	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5515	12	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5515	13	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
5515	19	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:	
5515	21	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5515	22	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
5515	29	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác:	
5515	91	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5515	99	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.16		**Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo**	
		- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo từ 85% trở lên:	
5516	11	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5516	12	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5516	14	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament tái tạo:	
5516	21	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5516	22	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5516	23	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC (40) hoặc CTH
5516	24	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5516	31	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5516	32	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5516	33	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC (40) hoặc CTH
5516	34	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có tỷ trọng xơ staple tái tạo dưới 85%, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:	
5516	41	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5516	42	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5516	43	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC (40) hoặc CTH
5516	44	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
5516	91	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	RVC (40) hoặc CTH
5516	92	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5516	93	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC (40) hoặc CTH
5516	94	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
Chương 56. Mền xơ, phớt và các sản phẩm không dệt; các loại sợi đặc biệt; sợi xe, chão bện (cordage), thừng và cáp và các sản phẩm của chúng			
56.01		**Mền xơ bằng vật liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps) từ công nghiệp dệt**	
		- Mền xơ; các sản phẩm khác làm từ mền xơ:	
5601	21	- - Từ bông	CC
5601	22	- - Từ xơ nhân tạo:	CC
5601	29	- - Loại khác	CC
5601	30	- Xơ vụn và bụi xơ và kết xơ từ công nghiệp dệt:	CC
56.02		**Phớt, nỉ đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp**	
5602	10	- Phớt xuyên kim và vải khâu đính	CC
		- Phớt, nỉ khác, chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép:	
5602	21	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5602	29	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC
5602	90	- Loại khác	CC
56.03		**Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp**	
		- Từ sợi filament nhân tạo:	
5603	11	- - Trọng lượng không quá 25 g/m^2	CC
5603	12	- - Trọng lượng trên 25 g/m^2 nhưng không quá 70 g/m^2	CC
5603	13	- - Trọng lượng trên 70 g/m^2 nhưng không quá 150 g/m^2	CC
5603	14	- - Trọng lượng trên 150 g/m^2	CC
5603	91	- - Trọng lượng không quá 25 g/m^2	CC
5603	92	- - Trọng lượng trên 25 g/m2 nhưng không quá 70 g/m^2	CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5603	93	- - Trọng lượng trên 70 g/m^2 nhưng không quá 150 g/m^2	CC
5603	94	- - Trọng lượng trên 150 g/m^2	CC
56.04		**Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt; sợi dệt, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic**	
5604	10	- Chỉ cao su và chỉ coóc cao su, được bọc bằng vật liệu dệt	RVC (40) hoặc CC
5604	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
5605	**00**	**Sợi kim loại hóa, có hoặc không quấn bọc, là loại sợi dệt hoặc dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, được kết hợp với kim loại ở dạng dây, dải hoặc bột hoặc phủ bằng kim loại**	CC
5606	**00**	**Sợi cuốn bọc, sợ dạng dải và các dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã quấn bọc (trừ các loại thuộc nhóm 56.05 và sợi quấn bọc lông bờm ngựa); sợi sơnin (chenille) (kể cả sợi sơnin xù); sợi sùi vòng**	CC
56.07		**Dây xe, chão bện (cordage), thừng và cáp, đã hoặc chưa tết hoặc bện và đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic**	
		- Từ xizan (sisal) hoặc từ xơ dệt khác của các cây thuộc chi cây thùa:	
5607	21	- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
5607	29	- - Loại khác	CC
		- Từ polyetylen hoặc polypropylen:	
5607	41	- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
5607	49	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
5607	50	- Từ xơ tổng hợp khác:	RVC (40) hoặc CC
5607	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
56.08		**Tấm lưới được thắt nút bằng sợi xe, chão bện (cordage) hoặc thừng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ vật liệu dệt**	
		- Từ vật liệu dệt nhân tạo:	
5608	11	- - Lưới đánh cá thành phẩm	RVC (40) hoặc CTH
5608	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
5608	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
5609	**00**	**Các sản phẩm làm từ sợi, sợi dạng dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, dây xe, chão bện (cordage), thừng hoặc cáp, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác**	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 57. Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác			
57.01		**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện**	
5701	10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5701	90	- Từ các loại nguyên liệu dệt khác:	CC
57.02		**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, dệt thoi, không chần sợi vòng hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, kể cả thảm "Kelem", "Schumacks", "Karamanie" và các loại thảm dệt thủ công tương tự**	
5702	10	- Thảm "Kelem", "Schumacks", "Karamanie" và các loại thảm dệt thủ công tương tự	CC
5702	20	- Hàng dệt trải sàn từ xơ dừa	CC
		- Loại khác, có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện:	
5702	31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5702	32	- - Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo	CC
5702	39	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác:	CC
		- Loại khác, có cấu tạo vòng lông, đã hoàn thiện:	
5702	41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5702	42	- - Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo	CC
5702	49	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác:	CC
5702	50	- Loại khác, không có cấu tạo vòng lông, chưa hoàn thiện:	CC
		- Loại khác, không có cấu tạo vòng lông, đã hoàn thiện:	
5702	91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5702	92	- - Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo	CC
5702	99	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác:	CC
57.03		**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, được chần, đã hoặc chưa hoàn thiện**	
5703	10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
5703	20	- Từ nylon hoặc các polyamit khác	CC
5703	30	- Từ các nguyên liệu dệt nhân tạo khác	CC
5703	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác:	CC
57.04		**Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, từ phớt, không chần hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện**	
5704	10	- Các tấm nhỏ, có diện tích bề mặt tối đa là 0,3 m^2	CC, ngoại trừ từ 5602
5704	90	- Loại khác	CC, ngoại trừ từ 5602
5705	**00**	**Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện**	CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 58. Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt chần sợi vòng; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu			
58.01		**Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sơnin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06**	
5801	11	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
		- Từ bông:	
5801	21	- - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	22	- - Nhung kẻ	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	23	- - Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	26	- - Các loại vải sơnin	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	27	- - Vải có sợi dọc nổi vòng:	RVC (40) hoặc CTH
		- Xơ nhân tạo:	
5801	31	- - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	32	- - Nhung kẻ	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	33	- - Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	36	- - Các loại vải sonin	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5801	37	- - Vải có sợi dọc nổi vòng:	RVC (40) hoặc CTH
5801	19	- Từ các vật liệu dệt khác:	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
58.02		**Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt chần sợi nổi vòng, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03**	
		- Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ bông:	
5802	11	- - Chưa tẩy trắng	CC
5802	19	- - Loại khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5802	20	- Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ các vật liệu dệt khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
5802	30	- Các loại vải dệt có chần sợi nổi vòng	CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
5803	**00**	**Vải dệt quấn, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06**	CC
58.04		**Các loại vải tuyn và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu hoa văn, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06**	
5804	10	- Vải tuyn và vải dệt lưới khác:	CC
5804	21	- - Từ sợi nhân tạo	CC
5804	29	- - Từ vật liệu dệt khác	CC
5804	30	- Ren thủ công	CC
5805	**00**	**Thảm trang trí dệt thủ công theo kiểu Gobelins, Flanders, Aubusson, Beauvais và các kiểu tương tự, và các loại thảm trang trí thêu tay (ví dụ, thêu mũi nhỏ, thêu chữ thập), đã hoặc chưa hoàn thiện**	CC
58.06		**Vải dệt thoi khổ hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khổ hẹp gồm toàn sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất keo dính (bolducs)**	
5806	10	- Vải dệt thoi có tạo vòng lông (kể cả vải khăn lông và vải dệt tạo vòng lông tương tự) và vải dệt từ sợi sơnin:	CC
5806	20	- Vải dệt thoi khác, có chứa sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su từ 5% trở lên tính theo trọng lượng	CC
		- Vải dệt thoi khác:	
5806	31	- - Từ bông:	CC
5806	32	- - Từ sợi nhân tạo:	CC
5806	39	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	CC
5806	40	- Các loại vải dệt chỉ có sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs)	CC
58.07		**Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự từ vật liệu dệt, dạng chiếc, dạng dải hoặc đã cắt theo hình hoặc kích cỡ, không thêu**	
5807	10	- Dệt thoi	CC
5807	90	- Loại khác	CC
58.08		**Các dải bện dạng chiếc; dải, mảnh trang trí dạng chiếc, không thêu, trừ loại dệt kim hoặc móc; tua, ngù và các mặt hàng tương tự**	
5808	10	- Các dải bện dạng chiếc:	CC
5808	90	- Loại khác	CC
5809	**00**	**Vải dệt thoi từ sợi kim loại và vải dệt thoi từ sợi kim loại hóa thuộc nhóm 56.05, sử dụng để trang trí, như các loại vải trang trí nội thất hoặc cho các mục đích tương tự, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**	CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
58.10		**Hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu hoa văn**	
5810	10	- Hàng thêu không lộ nền	CTH
		- Hàng thêu khác:	
5810	91	- - Từ bông	CTH
5810	92	- - Từ xơ nhân tạo	CTH
5810	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CTH
5811	**00**	**Các sản phẩm dệt đã chần dạng chiếc, bao gồm một hay nhiều lớp vật liệu dệt kết hợp với lớp đệm bằng cách khâu hoặc cách khác, trừ hàng thêu thuộc nhóm 58.10**	CTH
Chương 59. Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp; các mặt hàng dệt thích hợp dùng trong công nghiệp			
59.01		**Vải dệt được tráng keo hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc loại tương tự; vải can; vải bạt đã xử lý để vẽ; vải hồ cứng và các loại vải dệt đã được làm cứng tương tự để làm cốt mũ**	
5901	10	- Vải dệt được tráng keo hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc các loại tương tự	CC
5901	90	- Loại khác:	CC
59.02		**Vải mành dùng làm lốp từ sợi có độ bền cao từ ni lông hoặc các polyamit khác, các polyeste hoặc tơ nhân tạo vitcô**	RVC (40) hoặc CTH
5902	10	- Từ nylon hoặc các polyamit khác:	CC
5902	20	- Từ polyeste:	CC
5902	90	- Loại khác	CC
59.03		**Vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic, trừ các loại thuộc nhóm 59.02**	
5903	10	- Với poly (vinyl chlorit)	CC
5903	20	- Với polyurethan	CC
5903	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
59.04		**Vải sơn, đã hoặc chưa cắt theo hình; các loại trải sàn có một lớp tráng hoặc phủ gắn trên lớp bồi là vật liệu dệt, đã hoặc chưa cắt thành hình**	
5904	10	- Vải sơn	CC
5904	90	- Loại khác	CC
5905	**00**	**Các loại vải dệt phủ tường**	CC
59.06		**Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02**	
5906	10	- Băng dính có chiều rộng không quá 20 cm	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Loại khác:	
5906	91	- - Vải dệt kim hoặc vải móc	CC
5906	99	- - Loại khác:	CC
5907	**00**	**Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng cách khác; bạt đã vẽ làm phông màn cho sân khấu, phông trường quay hoặc loại tương tự**	CC
5908	**00**	**Các loại bấc dệt thoi, kết, tết hoặc dệt kim, dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa, nến hoặc loại tương tự; mạng đèn măng xông và các loại vải dệt kim hình ống dùng làm mạng đèn măng xông, đã hoặc chưa ngâm tẩm**	CC
5909	**00**	**Các loại ống dẫn dệt mềm và các loại ống dệt tương tự có lót hoặc không lót, bọc vỏ cứng hoặc có các phụ kiện từ vật liệu khác**	CC
5910	**00**	**Băng tải hoặc băng truyền hoặc băng đai, bằng vật liệu dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép bằng plastic, hoặc gia cố bằng kim loại hoặc vật liệu khác**	RVC (40) hoặc CC
59.11		**Các sản phẩm và mặt hàng dệt, phục vụ cho mục đích kỹ thuật, đã nêu tại Chú giải 7 của Chương này**	
5911	10	- Vải dệt, phớt và vải dệt thoi lót phớt đã được tráng, phủ, hoặc ép bằng cao su, da thuộc hoặc vật liệu khác, loại sử dụng cho băng kim máy chải, và vải tương tự phục vụ cho mục đích kỹ thuật khác, kể cả vải khổ hẹp làm từ nhung được ngâm tẩm cao su, để bọc các lõi, trục dệt	CC
5911	20	- Vải dùng để sàng, đã hoặc chưa hoàn thiện	CC
		- Vải dệt và phớt, được dệt liền hoặc kèm theo cơ cấu nối ráp, dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các máy tương tự (ví dụ, để chế biến bột giấy hoặc xi măng amiăng):	
5911	31	- - Trọng lượng dưới 650 g/m^2	CC
5911	32	- - Trọng lượng từ 650 g/m^2 trở lên	CC
5911	40	- Vải lọc dùng trong ép dầu hoặc loại tương tự, kể cả loại làm từ tóc người	CC
5911	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
		Chương 60. Các loại hàng dệt kim hoặc móc	
60.01		**Vải có tạo vòng lông, kể cả các loại vải "vòng lông dài" và vải khăn lông, dệt kim hoặc móc**	
6001	10	- Vải "vòng lông dài":	CC
		- Vải tạo vòng lông bằng dệt kim:	
6001	21	- - Từ bông	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6001	22	- - Từ xơ sợi nhân tạo	CC
6001	29	- - Từ các loại nguyên liệu dệt khác	CC
		- Loại khác:	
6001	91	- - Từ bông	CC
6001	92	- - Từ xơ sợi nhân tạo:	CC
6001	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	CC
60.02		**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ loại thuộc nhóm 60.01**	
6002	40	- Có tỷ trọng sợi đàn hồi từ 5% trở lên nhưng không có sợi cao su	CC
6002	90	- Loại khác	CC
60.03		**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm 60.01 hoặc 60.02**	
6003	10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
6003	20	- Từ bông	CC
6003	30	- Từ xơ sợi tổng hợp	CC
6003	40	- Từ xơ sợi nhân tạo	CC
6003	90	- Loại khác	CC
60.04		**Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ các loại thuộc nhóm 60.01**	
6004	10	- Có tỷ trọng sợi đàn hồi từ 5% trở lên nhưng không có sợi cao su:	CC
6004	90	- Loại khác	CC
60.05		**Vải dệt kim sợi dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dải trang trí), trừ loại thuộc các nhóm 60.01 đến 60.04**	
		- Từ bông:	
6005	21	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	CC
6005	22	- - Đã nhuộm	CC
6005	23	- - Từ các sợi có màu khác nhau	CC
6005	24	- - Đã in	CC
		- Từ xơ tổng hợp:	
6005	31	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:	CC
6005	32	- - Đã nhuộm:	CC
6005	33	- - Từ các sợi có màu khác nhau:	CC
6005	34	- - Đã in:	CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Từ xơ tái tạo:	
6005	41	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	CC
6005	42	- - Đã nhuộm	CC
6005	43	- - Từ các sợi có màu khác nhau	CC
6005	44	- - Đã in	CC
6005	90	- Loại khác	CC
60.06		**Vải dệt kim hoặc móc khác**	
6006	10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
		- Từ bông:	
6006	21	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	CC
6006	22	- - Đã nhuộm	CC
6006	23	- - Từ các sợi có màu khác nhau	CC
6006	24	- - Đã in	CC
		- Từ xơ sợi tổng hợp:	
6006	31	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng:	CC
6006	32	- - Đã nhuộm:	CC
6006	33	- - Từ các sợi có màu khác nhau	CC
6006	34	- - Đã in	CC
		- Từ xơ tái tạo:	
6006	41	- - Chưa hoặc đã tẩy trắng	CC
6006	42	- - Đã nhuộm	CC
6006	43	- - Từ các sợi có màu khác nhau	CC
6006	44	- - Đã in	CC
6006	90	- Loại khác	CC
Chương 61. Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc			
61.01		**Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03**	
6101	20	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6101	30	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6101	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.02		**Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04**	
6102	10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6102	20	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6102	30	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6102	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
61.03		**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**	
6103	10	- Bộ com-lê	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
6103	22	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103	23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo khoác thể thao:	
6103	31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103	32	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6103	33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:	
6103	41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103	42	- - Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6103	43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) hoặc CC
6103	49	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.04		**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**	
		- Bộ com-lê:	
6104	13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6104	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
6104	22	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo khoác thể thao:	
6104	31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	32	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6104	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo váy dài:	
6104	41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	42	- - Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6104	43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	44	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	49	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại váy và quần váy:	
6104	51	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6104	52	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	53	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	59	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:	
6104	61	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104	62	- - Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6104	63	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) hoặc CC
6104	69	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.05		**Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**	
6105	10	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6105	20	- Từ sợi nhân tạo:	RVC (40) hoặc CC
6105	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.06		**Áo khoác ngắn (blouses), áo sơ mi và áo sơ mi phỏng kiểu nam dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**	
6106	10	- Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6106	20	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) hoặc CC
6106	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.07		**Quần lót, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc**	
		- Quần lót và quần sịp:	
6107	11	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107	12	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6107	21	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107	22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6107	91	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.08		**Váy lót có dây đeo, váy lót trong, quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc**	
		- Váy lót có dây đeo và váy lót trong:	
6108	11	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6108	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần xi líp và quần đùi bó:	
6108	21	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy ngủ và bộ pyjama:	
6108	31	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	32	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Loại khác:	
6108	91	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	92	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.09		**Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc**	
6109	10	- Từ bông:	RVC (40) hoặc CC
6109	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) hoặc CC
61.10		**Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc**	
		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
6110	11	- - Từ lông cừu	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6110	12	- - Từ lông dê Ca-sơ-mia	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6110	19	- - Loại khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6110	20	- Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6110	30	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) hoặc CC
6110	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) hoặc CC
61.11		**Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc**	
6111	20	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6111	30	- Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6111	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.12		**Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc**	
		- Bộ quần áo thể thao:	
6112	11	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112	12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6112	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112	20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
6112	31	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
6112	41	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112	49	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6113	**00**	**Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07**	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
61.14		**Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc**	
6114	20	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6114	30	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) hoặc CC
6114	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.15		**Quần tất, quần áo nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày dép không đế, dệt kim hoặc móc**	RVC (40) hoặc CTH
6115	10	- Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch)	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần chật ống, áo nịt khác:	
6115	21	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn dưới 67 dexitex	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115	22	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn từ 67 dexitex trở lên	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6115	30	- Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 dexitex:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6115	94	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115	95	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115	96	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.16		**Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc**	
6116	10	- Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với plastic hoặc cao su	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6116	91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6116	92	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6116	93	- - Từ sợi tổng hợp:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6116	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.17		**Hàng may mặc phụ trợ đã hoàn chỉnh, dệt kim hoặc móc khác; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ**	
6117	10	- Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6117	80	- Các loại hàng phụ trợ khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6117	90	- Các chi tiết	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 62. Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc			
62.01		**Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03**	
		- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:	
6201	11	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201	12	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201	13	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6201	91	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6201	92	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201	93	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.02		**Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04**	
		- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:	
6202	11	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202	12	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202	13	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6202	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6202	91	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202	92	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202	93	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202	99	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.03		**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai**	
		- Bộ com-lê:	
6203	11	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6203	12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
6203	22	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo khoác thể thao:	
6203	31	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	32	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6203	33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:	
6203	41	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	42	- - Từ bông:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203	49	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.04		**Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn, và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**	
		- Bộ com-lê:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6204	11	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	12	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	19	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
6204	21	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	22	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6204	29	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo khoác thể thao:	
6204	31	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	32	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	39	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo váy dài:	
6204	41	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	42	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6204	43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	44	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	49	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy và chân váy:	
6204	51	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	52	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	53	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	59	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chẽn và quần soóc:	
6204	61	- - Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	62	- - Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6204	63	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204	69	- - Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.05		**Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai**	
6205	52	- Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6205	53	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) hoặc CC
6205	59	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.06		**Áo choàng, áo sơ mi và áo choàng sơ mi phỏng kiểu nam dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**	
6206	10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206	20	- Từ lông cừu hay lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206	30	- Từ bông	RVC (40) hoặc CC
6206	40	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206	90	- Từ các nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.07		**Áo may ô và các loại áo lót khác, quần lót, quần đùi, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai**	
		- Quần lót, quần đùi và quần sịp:	
6207	11	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207	19	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo ngủ và bộ pyjama:	
6207	21	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6207	22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207	29	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6207	91	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.08		**Áo may ô và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót trong, quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo mỏng mặc trong nhà, áo choàng tắm, áo khoác ngoài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái**	
		- Váy lót và váy lót trong:	
6208	11	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208	19	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy ngủ và bộ pyjama:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6208	21	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208	22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208	29	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
6208	91	- - Từ bông:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208	92	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.09		**Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em**	
6209	92	- Từ bông:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6209	93	- Từ sợi tổng hợp:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6209	99	- Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.10		**Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07**	
6210	10	- Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210	20	- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6201.11 đến 6201.19:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210	30	- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6202.11 đến 6202.19:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210	40	- Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210	50	- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	RVC (40) hoặc CC
62.11		**Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác**	
		- Quần áo bơi:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6211	11	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211	12	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211	20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
6211	32	- - Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211	33	- - Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211	39	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
6211	42	- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	RVC (40) hoặc CC
6211	43	- - Từ sợi nhân tạo:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211	49	- - Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.12		**Xu chiêng, gen, áo nịt ngực, dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc**	
6212	10	- Xu chiêng:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212	20	- Gen và quần gen:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212	30	- Coóc xê nịt bụng:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212	90	- Loại khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.13		**Khăn tay và khăn vuông nhỏ quàng cổ**	
6213	20	- Từ bông	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6213	90	- Từ các loại nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.14		**Khăn san, khăn choàng vai, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu và choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự**	
6214	10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214	20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214	30	- Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214	40	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214	90	- Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.15		**Nơ thường, nơ con bướm và cà vạt**	
6215	10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6215	20	- Từ sợi nhân tạo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6215	90	- Từ nguyên liệu dệt khác	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6216	**00**	**Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao**	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.17		**Hàng may mặc phụ trợ đã hoàn chỉnh khác; các chi tiết của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ, trừ các loại thuộc nhóm 62.12**	
6217	10	- Phụ kiện may mặc	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6217	90	- Các chi tiết của quần áo	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
Chương 63. Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác; vải vụn			
63.01		**Chăn và chăn du lịch**	
6301	10	- Chăn điện	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6301	20	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6301	30	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6301	40	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ xơ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6301	90	- Chăn và chăn du lịch khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.02		**Khăn trải giường, khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp**	
6302	10	- Khăn trải giường, dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Khăn trải giường khác, đã in:	
6302	21	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	22	- - Từ sợi nhân tạo:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	29	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Khăn trải giường khác:	
6302	31	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	32	- - Từ sợi nhân tạo:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	39	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	40	- Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Khăn trải bàn khác:	
6302	51	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	53	- - Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	59	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	60	- Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
6302	91	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	93	- - Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6302	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.03		**Màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong; diềm màn che hoặc diềm giường**	
		- Dệt kim hoặc móc:	
6303	12	- - Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6303	19	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
6303	91	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6303	92	- - Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6303	99	- - Từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.04		**Các sản phẩm trang trí nội thất khác, trừ các loại thuộc nhóm 94.04**	
		- Các bộ khăn phủ giường:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6304	11	- - Dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6304	19	- - Loại khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Loại khác:	
6304	91	- - Dệt kim hoặc móc:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6304	92	- - Không dệt kim hoặc móc, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6304	93	- - Không dệt kim hoặc móc, từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6304	99	- - Không dệt kim hoặc móc, từ nguyên liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.05		**Bao và túi, loại dùng để đóng, gói hàng**	
6305	10	- Từ đay hoặc các nguyên liệu dệt từ sợi libe khác thuộc nhóm 53.03:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6305	20	- Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
		- Từ vật liệu dệt nhân tạo:	
6305	32	- - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6305	33	- - Loại khác, từ polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6305	39	- - Loại khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
6305	90	- Từ nguyên liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên
63.06		**Tấm vải chống thấm nước, tấm hiên và tấm che nắng; tăng; buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại**	
		- Tấm vải chống thấm nước, tấm hiên và tấm che nắng:	
6306	12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6306	19	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	RVC (40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Tăng:	
6306	22	- - Từ sợi tổng hợp	CC
6306	29	- - Từ nguyên liệu dệt khác:	CC
6306	30	- Buồm cho tàu thuyền	CC
6306	40	- Đệm hơi:	CC
6306	90	- Loại khác	CC
63.07		**Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may**	
6307	10	- Khăn lau sàn, khăn lau bát đĩa, khăn lau bụi và các loại khăn lau tương tự:	CC, ngoại trừ từ 5111 đến 5113, 5208 đến 5212, 5309 đến 5311,

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
			5407, 5408, 5512 đến 5516, 5603, 5801, 5802, 5806, 5903 hoặc 6001 đến 6006
6307	20	- Áo cứu sinh và đai cứu sinh	RVC (40) hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên
6307	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên
6308	**00**	**Bộ vải bao gồm vải và chỉ, có hoặc không có phụ kiện dùng để làm chăn, thảm trang trí, khăn trải bàn hoặc khăn ăn đã thêu, hoặc các sản phẩm dệt tương tự, đóng gói sẵn để bán lẻ**	CTH
6309	**00**	**Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác**	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
63.10		**Vải vụn, mẩu dây xe, chão bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chão bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt**	
6310	10	- Đã được phân loại:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
6310	90	- Loại khác:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 64. Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên			
64.01		**Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự**	
6401	10	- Giày, dép có gắn mũi kim loại bảo vệ	RVC (40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác:	
6401	92	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân nhưng không qua đầu gối	RVC (40) hoặc CTH
6401	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
64.02		**Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic**	
		- Giày, dép thể thao:	
6402	12	- - Giày ống trượt tuyết, giày ống trượt tuyết việt dã và giày ống gắn ván trượt	RVC (40) hoặc CTH
6402	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
6402	20	- Giày, dép có đai hoặc dây gắn mũ giày với đế bằng chốt cài	RVC (40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác:	
6402	91	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân:	RVC (40) hoặc CTH
6402	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
64.03		**Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc**	
		- Giày, dép thể thao:	
6403	12	- - Giày ống trượt tuyết, giày ống trượt tuyết việt dã và giày ống gắn ván trượt	RVC (40) hoặc CTH
6403	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
6403	20	- Giày dép có đế ngoài bằng da thuộc, và mũ giày có đai vòng qua mu bàn chân và quai xỏ ngón chân cái	RVC (40) hoặc CTH
6403	40	- Giày, dép khác, có mũi bằng kim loại để bảo vệ	RVC (40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác có đế ngoài bằng da thuộc:	
6403	51	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân	RVC (40) hoặc CTH
6403	59	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Giày, dép khác:	
6403	91	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân	RVC (40) hoặc CTH
6403	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
64.04		**Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt**	
		- Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6404	11	- - Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự:	RVC (40) hoặc CTH
6404	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6404	20	- Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC (40) hoặc CTH
64.05		**Giày, dép khác**	
6405	10	- Có mũ giày bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC (40) hoặc CTH
6405	20	- Có mũ giày bằng vật liệu dệt	RVC (40) hoặc CTH
6405	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
64.06		**Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũi giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, gót giày và các sản phẩm tương tự; ghệt, quần ôm sát chân và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng**	
6406	10	- Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày:	RVC (40) hoặc CC
6406	20	- Đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic	RVC (40) hoặc CC
6406	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC
Chương 65. Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng			
6501	**00**	**Các loại thân mũ hình nón, hình chuông bằng phớt (nỉ, dạ), chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành; thân mũ chóp bằng và thân mũ hình trụ (kể cả thân mũ hình trụ đa giác), bằng phớt (nỉ, dạ)**	RVC (40) hoặc CC
6502	**00**	**Các loại thân mũ, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng vật liệu bất kỳ, chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành, chưa có lót, chưa có trang trí**	RVC (40) hoặc CC
6504	**00**	**Các loại mũ và các vật đội đầu khác, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng chất liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí**	RVC (40) hoặc CTH
6505	**00**	**Các loại mũ và các vật đội đầu khác, dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (trừ dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới bao tóc bằng vật liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí**	RVC (40) hoặc CTH
65.06		**Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí**	
6506	10	- Mũ bảo hộ:	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
6506	91	- - Bằng cao su hoặc plastic	RVC (40) hoặc CTH
6506	99	- - Bằng vật liệu khác:	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6507	**00**	**Băng lót vành trong thân mũ, lớp lót, lớp bọc, cốt, khung, lưỡi trai và quai dùng để sản xuất mũ và các vật đội đầu khác**	RVC (40) hoặc CC
Chương 66. Ô, dù che, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thồ kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên			
66.01		**Các loại ô và dù (kể cả ô có cán là ba toong, dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự)**	
6601	10	- Dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
6601	91	- - Có cán kiểu ống lồng	RVC (40) hoặc CTH
6601	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6602	**00**	**Ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi da, roi điều khiển súc vật thồ, kéo và các loại tương tự**	RVC (40) hoặc CTH
66.03		**Các bộ phận, đồ trang trí và đồ phụ trợ cho các mặt hàng thuộc nhóm 66.01 hoặc 66.02**	
6603	20	- Khung ô, kể cả khung có gắn với cán (thân gậy)	RVC (40) hoặc CC
6603	90	- Loại khác :	RVC (40) hoặc CC
Chương 67. Lông vũ và lông tơ chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông tơ; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người			
6701	**00**	**Da và các bộ phận khác của loài chim có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ, các phần của lông vũ, lông tơ và các sản phẩm làm từ chúng (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 05.05 và các ống, lông cánh, lông đuôi đã chế biến)**	RVC (40) hoặc CTH
67.02		**Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng; các sản phẩm làm bằng hoa, lá hoặc quả nhân tạo**	
6702	21	- Bằng plastic	RVC (40) hoặc CC
6702	29	- Bằng vật liệu khác	RVC (40) hoặc CC
6703	**00**	**Tóc người đã được chải, chuốt, tẩy hoặc xử lý bằng cách khác; lông cừu hoặc lông động vật khác hoặc loại vật liệu dệt khác, được chế biến để dùng làm tóc giả hoặc sản phẩm tương tự**	RVC (40) hoặc CC
67.04		**Tóc giả, râu, lông mi, lông mày giả, tóc độn và các loại sản phẩm tương tự bằng tóc người, bằng lông động vật hoặc bằng các loại vật liệu dệt; các sản phẩm bằng tóc người chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**	
		- Bằng vật liệu dệt tổng hợp:	
6704	11	- - Bộ tóc giả hoàn chỉnh	RVC (40) hoặc CTH
6704	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6704	20	- Bằng tóc người	RVC (40) hoặc CTH
6704	90	- Bằng vật liệu khác	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 68. Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự			
6801	**00**	**Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến)**	RVC (40) hoặc CTH
68.02		**Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng đã được gia công (trừ đá phiến) và các sản phẩm làm từ các loại đá trên, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.01; đá khối dùng để khảm và các loại tương tự, bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến), có hoặc không có lớp lót; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo, làm bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến)**	
6802	10	- Đá lát, đá khối và các sản phẩm tương tự, dạng hình chữ nhật hoặc dạng khác (kể cả dạng hình vuông), mà diện tích bề mặt lớn nhất của nó có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh nhỏ hơn 7 cm; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo	RVC (40) hoặc CTH
		- Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng khác và các sản phẩm làm từ chúng, mới chỉ cắt hoặc cưa đơn giản, có bề mặt nhẵn hoặc phẳng:	
6802	21	- - Đá cẩm thạch, tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa	RVC (40) hoặc CTH
6802	23	- - Đá granit	RVC (40) hoặc CTH
6802	29	- - Đá khác:	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
6802	91	- - Đá cẩm thạch, tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa:	RVC (40) hoặc CTH
6802	92	- - Đá vôi khác	RVC (40) hoặc CTH
6802	93	- - Đá granit	RVC (40) hoặc CTH
6802	99	- - Đá khác	RVC (40) hoặc CTH
6803	**00**	**Đá phiến đã gia công và các sản phẩm làm bằng đá phiến hoặc làm bằng đá phiến kết khối (từ bột đá phiến kết lại thành khối)**	RVC (40) hoặc CTH
68.04		**Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác**	
6804	10	- Đá nghiền (thớt cối xay) và đá mài để nghiền, mài hoặc xay thành bột	RVC (40) hoặc CTH
		- Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6804	21	- - Bằng kim cương tự nhiên hoặc kim cương nhân tạo kết khối	RVC (40) hoặc CTH
6804	22	- - Bằng vật liệu mài kết khối hoặc bằng gốm	RVC (40) hoặc CTH
6804	23	- - Bằng đá tự nhiên	RVC (40) hoặc CTH
6804	30	- Đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay	RVC (40) hoặc CTH
68.05		**Bột mài hoặc hạt mài tự nhiên hay nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác**	
6805	10	- Trên nền bằng vải dệt	RVC (40) hoặc CTH
6805	20	- Trên nền bằng giấy hoặc bìa	RVC (40) hoặc CTH
6805	30	- Trên nền bằng vật liệu khác	RVC (40) hoặc CTH
68.06		**Sợi xỉ, sợi silicat và các loại sợi khoáng tương tự; khoáng mica (vermiculit) đã tách lớp, đất sét trương nở, xỉ bọt và các loại vật liệu quặng khoáng trương nở tương tự; các hỗn hợp và các sản phẩm cách nhiệt, cách âm hoặc các vật liệu khoáng hấp thụ âm, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.12 hoặc Chương 69**	
6806	10	- Sợi xỉ, sợi silicat và các loại sợi khoáng tương tự (kể cả hỗn hợp của chúng), ở dạng rời, dạng tấm hoặc dạng cuộn	RVC (40) hoặc CTH
6806	20	- Khoáng mica (vermiculite) đã tách lớp, đất sét trương nở, xỉ bọt và các loại vật liệu quặng khoáng trương nở tương tự (kể cả hỗn hợp của chúng)	RVC (40) hoặc CTH
6806	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
68.07		**Các sản phẩm bằng asphalt hoặc bằng vật liệu tương tự (ví dụ, bitum dầu mỏ hoặc hắc ín, than đá)**	
6807	10	- Dạng cuộn	RVC (40) hoặc CTH
6807	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
6808	**00**	**Panen, tấm, ngói, gạch, khối và các sản phẩm tương tự làm bằng sợi thực vật, sợi rơm rạ hoặc bằng phoi bào, mạt gỗ, gỗ dăm hoặc phế liệu khác, bằng gỗ, đã được kết khối bằng xi măng, thạch cao hoặc chất dính khoáng khác**	RVC (40) hoặc CTH
68.09		**Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao**	
		- Tấm, lá, panen, ngói và các sản phẩm tương tự, chưa được trang trí:	
6809	11	- - Được phủ mặt hoặc gia cố chỉ bằng giấy hoặc bìa	RVC (40) hoặc CTH
6809	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
6809	90	- Các sản phẩm khác:	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
68.10		**Các sản phẩm bằng xi măng, bằng bê tông hoặc đá nhân tạo, đã hoặc chưa được gia cố**	
		- Ngói, phiến đá lát đường, gạch và các sản phẩm tương tự:	
6810	11	- - Gạch và gạch khối xây dựng	RVC (40) hoặc CTH
6810	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
		- Sản phẩm khác:	
6810	91	- - Các cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng	RVC (40) hoặc CTH
6810	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
68.11		**Các sản phẩm bằng xi măng-amiăng, bằng xi măng-sợi xenlulô hoặc tương tự**	
6811	40	- Chứa amiăng:	RVC (40) hoặc CTH
		- Không chứa amiăng:	
6811	81	- - Tấm làn sóng	RVC (40) hoặc CTH
6811	82	- - Tấm, panen, ngói và các sản phẩm tương tự khác:	RVC (40) hoặc CTH
6811	89	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
68.12		**Sợi amiăng đã được gia công; các hỗn hợp với thành phần cơ bản là amiăng hoặc thành phần chính là amiăng và magie carbonat; các sản phẩm làm từ hỗn hợp đó hoặc làm từ amiăng (ví dụ, chỉ, vải dệt thoi, quần áo, mũ và vật đội đầu khác, giầy dép, các miếng đệm), đã hoặc chưa được gia cố, trừ các loại thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.13**	
6812	80	- Bằng crocidolite:	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
6812	91	- - Quần áo, phụ kiện quần áo, giầy dép và vật đội đầu:	RVC (40) hoặc CTH
6812	92	- - Giấy, bìa cứng và nỉ	RVC (40) hoặc CTH
6812	93	- - Vật liệu ghép nối làm bằng sợi amiăng ép, ở dạng tấm hoặc cuộn	RVC (40) hoặc CTH
6812	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
68.13		**Vật liệu ma sát và các sản phẩm từ vật liệu ma sát (ví dụ, tấm mỏng, cuộn, dải, đoạn, đĩa, vòng đệm, tấm lót), chưa lắp ráp, để làm phanh, côn hoặc các sản phẩm tương tự, với thành phần chính là amiăng, các chất khoáng khác hoặc xenlulo, đã hoặc chưa kết hợp với vật liệu dệt hoặc các vật liệu khác**	
6813	20	- Chứa amiăng:	RVC (40) hoặc CTH
		- Không chứa amiăng:	
6813	81	- - Lót và đệm phanh	RVC (40) hoặc CTH
6813	89	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
68.14		**Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được liên kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác**	
6814	10	- Tấm, lá và dải bằng mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ	RVC (40) hoặc CTH
6814	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
68.15		**Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác**	
6815	10	- Các sản phẩm làm từ grafit hoặc carbon khác không phải là sản phẩm điện:	RVC (40) hoặc CTH
6815	20	- Sản phẩm từ than bùn	RVC (40) hoặc CTH
		- Các loại sản phẩm khác:	
6815	91	- - Có chứa magiezit, dolomit hoặc cromit	RVC (40) hoặc CTH
6815	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
Chương 69. Đồ gốm, sứ			
6901	**00**	**Gạch, gạch khối, ngói và các loại hàng gốm khác làm từ bột silic hóa thạch (ví dụ, đất tảo cát, đá tảo silic hoặc diatomit) hoặc từ các loại đất silic tương tự**	RVC (40) hoặc CTH
69.02		**Gạch, gạch khối, ngói chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng bằng gốm chịu lửa tương tự, trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự**	
6902	10	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là 1 hay nhiều nguyên tố magie (Mg), canxi (Ca) hoặc crom (Cr), thể hiện ở dạng magie oxit (MgO), canxi oxit (CaO) hoặc crom oxit (Cr_2O_3)	RVC (40) hoặc CTH
6902	20	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là oxit nhôm (Al_2O_3), đioxit silic (SiO_2) hoặc hỗn hợp hay hợp chất của các chất này	RVC (40) hoặc CTH
6902	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
69.03		**Các loại hàng gốm, sứ chịu lửa khác (ví dụ, bình cổ cong, nồi nấu kim loại, bình thử vàng, nút, phích cắm, nắp giá đỡ, chén thử vàng bạc, các loại ống, ống dẫn, bao vỏ và tay cầm), trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự**	
6903	10	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là graphit hoặc carbon khác hoặc hỗn hợp của các sản phẩm này	RVC (40) hoặc CTH
6903	20	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là oxit nhôm (Al_2O_3) hoặc hỗn hợp hay hợp chất của oxit nhôm và dioxit silic (SiO_2)	RVC (40) hoặc CTH
6903	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
69.04		**Gạch xây dựng, gạch lát nền, ngói lót hoặc ngói đệm và các loại tương tự bằng gốm, sứ**	
6904	10	- Gạch xây dựng	RVC (40) hoặc CTH
6904	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
69.05		**Ngói lợp, ống khói, chụp ống khói, lớp lót trong ống khói, hàng trang trí kiến trúc và hàng xây dựng bằng gốm, sứ khác**	
6905	10	- Ngói lợp mái	RVC (40) hoặc CTH
6905	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6906	**00**	**Ống dẫn, máng dẫn, máng thoát nước và các phụ kiện để lắp ráp bằng gốm, sứ**	RVC (40) hoặc CTH
69.07		**Các loại tấm lát đường và vật liệu lát, gạch lát tường hoặc lát nền, lòng lò sưởi bằng gốm, sứ không tráng men; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ không tráng men, có hoặc không có lớp nền**	
6907	10	- Gạch, đá lát, khối và các sản phẩm tương tự, dạng hình chữ nhật hoặc dạng khác, diện tích bề mặt lớn nhất của nó có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh dưới 7 cm:	RVC (40) hoặc CTH
6907	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
69.08		**Gạch lát nền, ốp tường và lát nền, lòng lò sưởi bằng gốm, sứ đã tráng men; các khối khảm và các sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ đã tráng men, có hoặc không có lớp nền**	
6908	10	- Gạch lát, khối và các sản phẩm tương tự dạng hình chữ nhật hoặc dạng khác, mà diện tích bề mặt lớn nhất của nó có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh nhỏ hơn 7 cm	RVC (40) hoặc CC
6908	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
69.09		**Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong lĩnh vực hóa học hoặc kỹ thuật khác; máng, chậu và các vật chứa tương tự dùng trong nông nghiệp bằng gốm, sứ; bình, hủ, liễn và các sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ dùng trong việc chuyên chở hoặc đóng hàng**	
		- Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong hóa học hoặc kỹ thuật khác:	
6909	11	- - Bằng sứ	RVC (40) hoặc CTH
6909	12	- - Các sản phẩm có độ cứng tương đương từ 9 trở lên trong thang đo độ cứng Mohs	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6909	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6909	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
69.10		**Bồn rửa, chậu giặt, bệ chậu giặt, bồn tắm, chậu vệ sinh dành cho phụ nữ, bệ xí bệt, bình xối nước, bệ đi tiểu nam và các sản phẩm vệ sinh tương tự gắn cố định bằng gốm, sứ**	
6910	10	- Bằng sứ	RVC (40) hoặc CTH
6910	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
69.11		**Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ gia dụng và đồ sứ vệ sinh khác, bằng sứ**	
6911	10	- Bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp	RVC (40) hoặc CTH
6911	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
6912	**00**	**Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ gia dụng và đồ vệ sinh bằng gốm, trừ loại bằng sứ**	RVC (40) hoặc CTH
69.13		**Các loại tượng nhỏ và các loại sản phẩm trang trí bằng gốm, sứ khác**	
6913	10	- Bằng sứ:	RVC (40) hoặc CTH
6913	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
69.14		**Các sản phẩm bằng gốm, sứ khác**	RVC (40) hoặc CTH
6914	10	- Bằng sứ	RVC (40) hoặc CTH
6914	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
Chương 70. Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh			
7001	**00**	**Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối**	RVC (40) hoặc CTH
70.02		**Thủy tinh ở dạng hình cầu (trừ loại hạt siêu nhỏ thuộc nhóm 70.18), dạng thanh hoặc ống, chưa gia công**	
7002	10	- Dạng hình cầu	RVC (40) hoặc CTH
7002	20	- Dạng thanh	RVC (40) hoặc CTH
		- Dạng ống:	
7002	31	- - Bằng thạch anh nung chảy hoặc các dạng đioxyt silic nung chảy khác:	RVC (40) hoặc CTH
7002	32	- - Bằng thủy tinh khác có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5 x 10^{-6} độ Kenvin khi ở nhiệt độ từ 0°C đến 300°C:	RVC (40) hoặc CTH
7002	39	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
70.03		**Thủy tinh đúc và thủy tinh cán, ở dạng tấm hoặc dạng hình, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác**	
		- Dạng tấm không có cốt thép:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7003	12	- - Thủy tinh được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC (40) hoặc CTH
7003	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
7003	20	- Dạng tấm có cốt thép	RVC (40) hoặc CTH
7003	30	- Dạng hình	RVC (40) hoặc CTH
70.04		**Kính kéo và kính** thổi, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác	
7004	20	- Kính, được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC (40) hoặc CTH
7004	90	- Loại kính khác:	RVC (40) hoặc CTH
70.05		**Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác**	
7005	10	- Kính không có cốt thép, có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC (40) hoặc CTH
		- Kính không có cốt thép khác:	
7005	21	- - Phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc chỉ mài bề mặt:	RVC (40) hoặc CTH
7005	29	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
7005	30	- Kính có cốt thép	RVC (40) hoặc CTH
7006	**00**	**Kính thuộc các nhóm 70.03, 70.04 hoặc 70.05, đã uốn cong, gia công cạnh, khắc, khoan, tráng hoặc gia công cách khác, nhưng chưa làm khung hoặc lắp với các vật liệu khác**	RVC (40) hoặc CTH
70.07		**Kính an toàn, làm bằng thủy tinh cứng (đã tôi) hoặc thủy tinh nhiều lớp**	
		- Kính an toàn cứng (đã tôi):	
7007	11	- - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền:	RVC (40) hoặc CTH
7007	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
		- Kính an toàn nhiều lớp:	
7007	21	- - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền:	RVC (40) hoặc CTH
7007	29	- - - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7008	**00**	**Kính dùng làm tường ngăn nhiều lớp**	RVC (40) hoặc CTH
70.09		**Gương thủy tinh, có hoặc không có khung, kể cả gương chiếu hậu**	
7009	10	- Gương chiếu hậu dùng cho xe	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7009	91	- - Chưa có khung	RVC (40) hoặc CTH
7009	92	- - Có khung	RVC (40) hoặc CTH
70.10		**Bình lớn có vỏ bọc ngoài, chai, bình thót cổ, lọ, ống, ống đựng thuốc tiêm và các loại đồ chứa khác, bằng thủy tinh, dùng trong vận chuyển hoặc đóng hàng; lọ, bình bảo quản bằng thủy tinh; nút chai, nắp đậy và các loại nắp khác, bằng thủy tinh**	
7010	10	- Ống đựng thuốc tiêm	RVC (40) hoặc CTH
7010	20	- Nút chai, nắp đậy và các loại nắp khác	RVC (40) hoặc CTH
7010	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
70.11		**Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hở, và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện, ống đèn tia âm cực hoặc các loại tương tự**	
7011	10	- Dùng cho đèn điện:	RVC (40) hoặc CTH
7011	20	- Dùng cho ống đèn tia âm cực	RVC (40) hoặc CTH
7011	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
70.13		**Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh, đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất hoặc đồ dùng cho các mục đích tương tự bằng thủy tinh (trừ các sản phẩm thuộc nhóm 70.10 hoặc 70.18)**	
7013	10	- Bằng gốm thủy tinh	RVC (40) hoặc CTH
		- Bộ đồ uống bằng thủy tinh, trừ loại bằng gốm thủy tinh:	
7013	22	- - Bằng pha lê chì	RVC (40) hoặc CTH
7013	28	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Bộ đồ uống bằng thủy tinh, trừ loại bằng gốm thủy tinh:	
7013	33	- - Bằng pha lê chì	RVC (40) hoặc CTH
7013	37	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Bộ đồ ăn (trừ bộ đồ dùng để uống) hoặc đồ nhà bếp bằng thủy tinh, trừ loại bằng gốm thủy tinh:	
7013	41	- - Bằng pha lê chì	RVC (40) hoặc CTH
7013	42	- - Bằng thủy tinh có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5 x 10^{-6} độ Kenvin khi ở nhiệt độ từ 0°C đến 300°C	RVC (40) hoặc CTH
7013	49	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Đồ dùng bằng thủy tinh khác:	
7013	91	- - Bằng pha lê chì	RVC (40) hoặc CTH
7013	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7014	**00**	**Dụng cụ tín hiệu bằng thủy tinh và các bộ phận quang học bằng thủy tinh (trừ những sản phẩm thuộc nhóm 70.15), chưa được gia công về mặt quang học**	RVC (40) hoặc CTH
70.15		**Kính đồng hồ treo tường hoặc kính đồng hồ cá nhân và các loại kính tương tự, các loại kính đeo để hiệu chỉnh hoặc không hiệu chỉnh, được uốn cong, làm lồi, lõm hoặc tương tự, chưa được gia công về mặt quang học; hạt thủy tinh rỗng và mảnh của chúng, dùng để sản xuất các loại kính trên**	
7015	10	- Các loại kính hiệu chỉnh dùng cho kính đeo mắt	RVC (40) hoặc CTH
7015	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
70.16		**Khối lát, tấm, gạch, tấm vuông, ngói và các sản phẩm khác bằng thủy tinh ép hoặc thủy tinh đúc, có hoặc không có cốt thép, thuộc loại được sử dụng trong xây dựng hoặc mục đích xây dựng; khối thủy tinh nhỏ và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khảm hoặc cho các mục đích trang trí tương tự; đèn phủ chì và các loại tương tự; thủy tinh đa phân tử hoặc thủy tinh bọt dạng khối, panen, tấm, lớp, vỏ hoặc các dạng tương tự**	
7016	10	- Thủy tinh dạng khối và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khảm hoặc các mục đích trang trí tương tự	RVC (40) hoặc CTH
7016	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
70.17		**Đồ thủy tinh dùng cho phòng thí nghiệm, cho vệ sinh hoặc dược phẩm, đã hoặc chưa được chia độ hoặc định cỡ**	
7017	10	- Bằng thạch anh nấu chảy hoặc dioxit silic nấu chảy khác:	RVC (40) hoặc CTH
7017	20	- Bằng thủy tinh khác có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5 x 10^{-6} độ Kenvin khi ở nhiệt độ từ 0°C đến 300°C	RVC (40) hoặc CTH
7017	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
70.18		**Hạt thủy tinh, thủy tinh giả ngọc trai, thủy tinh giả đá quý hoặc đá bán quý và các đồ vật nhỏ tương tự bằng thủy tinh, và các sản phẩm làm từ các loại trên trừ đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; mắt thủy tinh trừ các bộ phận cơ thể giả khác; tượng nhỏ và các đồ trang trí khác, trừ đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; hạt thủy tinh có đường kính không quá 1mm**	
7018	10	- Hạt thủy tinh, thủy tinh giả ngọc trai, thủy tinh giả đá quý hoặc đá bán quý và các đồ vật nhỏ tương tự bằng thủy tinh	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7018	20	- Hạt thủy tinh đường kính không quá 1mm	RVC (40) hoặc CTH
7018	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
70.19		**Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi, vải dệt)**	
		- Ở dạng bị cắt mảnh, sợi thô, sợi xe và sợi bện đã cắt đoạn:	
7019	11	- - Sợi bện đã cắt đoạn, chiều dài không quá 50mm	RVC (40) hoặc CTH
7019	12	- - Sợi thô	RVC (40) hoặc CTH
7019	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
		- Tấm mỏng (voan), mạng, chiếu, đệm, tấm và các sản phẩm không dệt tương tự:	
7019	31	- - Chiếu	RVC (40) hoặc CTH
7019	32	- - Tấm mỏng (voan)	RVC (40) hoặc CTH
7019	39	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
7019	40	- Vải dệt thoi từ sợi thô	RVC (40) hoặc CTH
		- Vải dệt thoi khác:	
7019	51	- - Có chiều rộng không quá 30 cm	RVC (40) hoặc CTH
7019	52	- - Có chiều rộng trên 30 cm, dệt trơn, trọng lượng dưới 250 g/m^2, dệt từ sợi filament có độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 136 tex	RVC (40) hoặc CTH
7019	59	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7019	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
7020	**00**	**Các sản phẩm khác bằng thủy tinh**	RVC (40) hoặc CTH
Chương 71. Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại			
71.01		**Ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển**	
7101	11	- Ngọc trai tự nhiên	WO
7101	21	- - Chưa được gia công	WO
7101	22	- - Đã gia công	RVC(40)
71.02		**Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát**	
7102	10	- Chưa được phân loại	RVC (40) hoặc CC
7102	21	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	RVC (40) hoặc CC
7102	29	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTSH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7102	31	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	RVC (40) hoặc CC
7102	39	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTSH
71.03		**Đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý chưa được phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển**	
7103	10	- Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô	RVC (40) hoặc CC
7103	91	- - Rubi, saphia và ngọc lục bảo	RVC (40) hoặc CTSH
7103	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTSH
71.04		**Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển**	
7104	10	- Thạch anh áp điện:	RVC (40) hoặc CTH
7104	20	- Loại khác, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô	RVC (40) hoặc CTH
7104	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTSH
71.05		**Bụi và bột của đá quý hoặc đá bán quý tự nhiên hoặc tổng hợp**	
7105	10	- Của kim cương	RVC (40) hoặc CTH
7105	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
71.06		**Bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim), chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột**	
7106	10	- Dạng bột	RVC (40) hoặc CC
		- Dạng khác:	
7106	91	- - Chưa gia công	RVC (40) hoặc CC
7106	92	- - Dạng bán thành phẩm	RVC (40) hoặc CC
7107	**00**	**Kim loại cơ bản được dát phủ bạc, chưa gia công quá mức bán thành phẩm**	RVC (40) hoặc CC
71.08		**Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột**	
7108	11	- - Dạng bột	RVC (40) hoặc CC
7108	12	- - Dạng chưa gia công khác:	RVC (40) hoặc CC
7108	13	- - Dạng bán thành phẩm khác	RVC (40) hoặc CTSH
7108	20	- Dạng tiền tệ	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7109	**00**	**Kim loại cơ bản hoặc bạc, dát phủ vàng, chưa được gia công quá mức bán thành phẩm**	RVC (40) hoặc CC
71.10		**Bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột**	
		- Bạch kim:	
7110	11	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC (40) hoặc CC
7110	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Paladi:	
7110	21	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC (40) hoặc CC
7110	29	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Rodi:	
7110	31	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC (40) hoặc CC
7110	39	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Iridi, osmi và ruteni:	
7110	41	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC (40) hoặc CC
7110	49	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
7111	**00**	**Kim loại cơ bản, bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm**	RVC (40) hoặc CC
71.12		**Phế liệu và mảnh vụn của kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý; phế liệu và mảnh vụn khác chứa kim loại quý hoặc các hợp chất kim loại quý, loại sử dụng chủ yếu cho việc thu hồi kim loại quý**	
7112	30	- Tro (xỉ) có chứa kim loại quý hoặc các hợp chất kim loại quý	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
		- Loại khác:	
7112	91	- - Từ vàng, kể cả kim loại dát phủ vàng trừ mảnh vụn có chứa các kim loại quý khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
7112	92	- - Từ bạch kim, kể cả kim loại dát phủ bạch kim trừ mảnh vụn có chứa các kim loại quý khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7112	99	- - Loại khác:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
71.13		**Đồ trang sức và các bộ phận rời của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý**	
		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7113	11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác:	RVC (40) hoặc CTH
7113	19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	RVC (40) hoặc CTH
7113	20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý:	RVC (40) hoặc CTH
71.14		**Đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận rời của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý**	
		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7114	11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác	RVC (40) hoặc CTH
7114	19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý	RVC (40) hoặc CTH
7114	20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý	RVC (40) hoặc CTH
71.15		**Các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý**	
7115	10	- Vật xúc tác ở dạng tấm đan hoặc lưới, bằng bạch kim	RVC (40) hoặc CTH
7115	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
71.16		**Sản phẩm bằng ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý và đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo)**	
7116	10	- Bằng ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy	RVC (40) hoặc CTH
7116	20	- Bằng đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo)	RVC (40) hoặc CTH
71.17		**Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác**	
		- Bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ kim loại quý:	
7117	11	- - Khuy măng sét và khuy rời:	RVC (40) hoặc CTH
7117	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
7117	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
71.18		**Tiền kim loại**	
7118	10	- Tiền kim loại (trừ tiền vàng), không được coi là tiền tệ chính thức:	RVC (40) hoặc CTH
7118	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
		Chương 72. Sắt và thép	
72.01		**Gang thỏi và, gang kính ở dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác**	
7201	10	- Gang thỏi không hợp kim có hàm lượng phospho từ 0,5% trở xuống tính theo trọng lượng	RVC (40) hoặc CC
7201	20	- Gang thỏi không hợp kim có hàm lượng phospho trên 0,5% tính theo trọng lượng	RVC (40) hoặc CC
7201	50	- Gang thỏi hợp kim; gang kính	RVC (40) hoặc CC
72.02		**Hợp kim fero**	
		- Fero - mangan:	
7202	11	- - Có hàm lượng carbon trên 2% tính theo trọng lượng	RVC (40) hoặc CTH
7202	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Fero - silic:	
7202	21	- - Có hàm lượng silic trên 55% tính theo trọng lượng	RVC (40) hoặc CTH
7202	29	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7202	30	- Fero - silic - mangan	RVC (40) hoặc CTH
		- Fero - crom:	
7202	41	- - Có hàm lượng carbon trên 4% tính theo trọng lượng	RVC (40) hoặc CTH
7202	49	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7202	50	- Fero - silic - crom	RVC (40) hoặc CTH
7202	60	- Fero - niken	RVC (40) hoặc CTH
7202	70	- Fero - molipđen	RVC (40) hoặc CTH
7202	80	- Fero - vonfram và fero - silic - vonfram	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
7202	91	- - Fero - titan và fero - silic - titan	RVC (40) hoặc CTH
7202	92	- - Fero - vanadi	RVC (40) hoặc CTH
7202	93	- - Fero - niobi	RVC (40) hoặc CTH
7202	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
72.03		**Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt và các sản phẩm sắt xốp khác, dạng tảng, cục hoặc các dạng tương tự; sắt có độ tinh khiết tối thiểu là 99,94%, ở dạng tảng, cục hoặc các dạng tương tự**	
7203	10	- Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt	RVC (40) hoặc CC
7203	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.04		**Phế liệu, mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép**	
7204	10	- Phế liệu và mảnh vụn của gang	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
		- Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim:	
7204	21	- - Bằng thép không gỉ	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
7204	29	- - Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
7204	30	- Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
		- Phế liệu và mảnh vụn khác:	
7204	41	- - Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, mạt cưa, mạt giũa, phoi cắt và bavia, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
7204	49	- - Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
7204	50	- Thỏi đúc phế liệu nấu lại	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi sinh ra sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
72.05		**Hạt và bột, của gang thỏi, gang kính, sắt hoặc thép**	
7205	10	- Hạt	RVC (40) hoặc CTH
		- Bột:	
7205	21	- - Của thép hợp kim	RVC (40) hoặc CTH
7205	29	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.06		**Sắt và thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc các dạng thô khác (trừ sản phẩm có chứa sắt thuộc nhóm 72.03)**	
7206	10	- Dạng thỏi đúc:	RVC (40) hoặc CTH
7206	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
72.07		**Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm**	
		- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:	
7207	11	- - Mặt cắt ngang hình chữ nhật (kể cả hình vuông), có chiều rộng nhỏ hơn hai lần chiều dày	RVC (40) hoặc CC
7207	12	- - Loại khác có mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông):	RVC (40) hoặc CC
7207	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
7207	20	- Có hàm lượng carbon từ 0,25% trở lên tính theo trọng lượng:	RVC (40) hoặc CC
72.08		**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, được cán nóng, chưa phủ, mạ hoặc tráng**	
7208	10	- Dạng cuộn, không được gia công quá mức cán nóng, có hình dập nổi	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác, dạng cuộn, không được gia công quá mức cán nóng, đã ngâm tẩy gỉ:	
7208	25	- - Chiều dày từ 4,75mm trở lên:	RVC (40) hoặc CC
7208	26	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CC
7208	27	- - Chiều dày dưới 3mm	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác, dạng cuộn, không được gia công quá mức cán nóng:	
7208	36	- - Chiều dày trên 10mm	RVC (40) hoặc CC
7208	37	- - Chiều dày từ 4,75mm đến 10mm	RVC (40) hoặc CC
7208	38	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CC
7208	39	- - Chiều dày dưới 3mm	RVC (40) hoặc CC
7208	40	- Dạng không cuộn, không được gia công quá mức cán nóng, có hình dập nổi trên bề mặt	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác, dạng không cuộn, không được gia công quá mức cán nóng:	
7208	51	- - Chiều dày trên 10mm	RVC (40) hoặc CC
7208	52	- - Chiều dày từ 4,75mm đến 10mm	RVC (40) hoặc CC
7208	53	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CC
7208	54	- - Chiều dày dưới 3mm	RVC (40) hoặc CC
7208	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.09		**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng**	
		- Ở dạng cuộn, không được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209	15	- - Có chiều dày từ 3mm trở lên	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	16	- - Có chiều dày trên 1mm đến dưới 3mm	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	17	- - Có chiều dày từ 0,5mm đến 1mm	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	18	- - Có chiều dày dưới 0,5mm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
		- Ở dạng không cuộn, không được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209	25	- - Có chiều dày từ 3mm trở lên	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	26	- - Có chiều dày trên 1mm đến dưới 3mm	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	27	- - Có chiều dày từ 0,5mm đến 1mm	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	28	- - Có chiều dày dưới 0,5mm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
72.10		**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng**	
		- Được mạ hoặc tráng thiếc:	
7210	11	- - Có chiều dày từ 0,5mm trở lên:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7210	12	- - Có chiều dày dưới 0,5mm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	20	- Được mạ hoặc tráng chì, kể cả hợp kim chì thiếc:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	30	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
		- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	
7210	41	- - Hình lượn sóng:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	49	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	50	- Được mạ hoặc tráng bằng oxit crom hoặc bằng crom và oxit crom	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
		- Được mạ hoặc tráng nhôm:	
7210	61	- - Được mạ hoặc tráng hợp kim nhôm-kẽm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	69	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	70	- Được sơn, quét vécni hoặc phủ plastic:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
72.11		**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, chưa phủ, mạ hoặc tráng**	
		- Không được gia công quá mức cán nóng:	
7211	13	- - Được cán 4 mặt hoặc ở dạng khuôn hộp kín, có chiều rộng trên 150mm và chiều dày không dưới 4mm, không ở dạng cuộn và không có hình nổi:	RVC (40) hoặc CC
7211	14	- - Loại khác, chiều dày từ 4,75mm trở lên:	RVC (40) hoặc CC
7211	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		- Chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7211	23	- - Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:	RVC (40) hoặc CC
7211	29	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
7211	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
72.12		**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, đã phủ, mạ hoặc tráng**	
7212	10	- Được mạ hoặc tráng thiếc:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212	20	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212	30	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212	40	- Được sơn, quét vécni hoặc phủ plastic:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212	50	- Được mạ hoặc tráng bằng phương pháp khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212	60	- Được dát phủ:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
72.13		**Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, dạng cuộn cuốn không đều, được cán nóng**	
7213	10	- Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán	RVC (40) hoặc CC
7213	20	- Loại khác, bằng thép dễ cắt gọt	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác:	
7213	91	- - Có đường kính mặt cắt ngang hình tròn dưới 14mm:	RVC (40) hoặc CC
7213	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
72.14		**Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, mới chỉ qua rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, kể cả công đoạn xoắn sau khi cán**	
7214	10	- Đã qua rèn:	RVC (40) hoặc CC
7214	20	- Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán hoặc xoắn sau khi cán:	RVC (40) hoặc CC
7214	30	- Loại khác, bằng thép dễ cắt gọt	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác:	
7214	91	- - Mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông):	RVC (40) hoặc CC
7214	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CC

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.15		**Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác**	
7215	10	- Bằng thép dễ cắt gọt, mới chỉ được tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội	RVC (40) hoặc CC
7215	50	- Loại khác, mới chỉ được tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC (40) hoặc CC
7215	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CC
72.16		**Sắt hoặc thép không hợp kim dạng góc, khuôn, hình**	
7216	10	- Hình chữ U, I hoặc H, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao dưới 80mm	RVC (40) hoặc CC
		- Hình chữ L hoặc chữ T, không được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao dưới 80mm:	
7216	21	- - Hình chữ L	RVC (40) hoặc CC
7216	22	- - Hình chữ T	RVC (40) hoặc CC
		- Hình chữ U, I hoặc H, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn có chiều cao từ 80mm trở lên:	
7216	31	- - Hình chữ U	RVC (40) hoặc CC
7216	32	- - Hình chữ I	RVC (40) hoặc CC
7216	33	- - Hình chữ H	RVC (40) hoặc CC
7216	40	- Hình chữ L hoặc chữ T, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80mm trở lên	RVC (40) hoặc CC
7216	50	- Góc, khuôn và hình khác, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn qua khuôn:	RVC (40) hoặc CC
		- Góc, khuôn và hình khác, không gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	
7216	61	- - Thu được từ các sản phẩm cán phẳng	RVC (40) hoặc CC
7216	69	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
		- Loại khác:	
7216	91	- - Được tạo hình hoặc hoàn thiện trong quá trình gia công nguội từ các sản phẩm cán phẳng	RVC (40) hoặc CC
7216	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CC
72.17		**Dây của sắt hoặc thép không hợp kim**	
7217	10	- Không được mạ hoặc tráng, đã hoặc chưa được đánh bóng:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217	20	- Được mạ hoặc tráng kẽm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217	30	- Được mạ hoặc tráng kim loại cơ bản khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.18		**Thép không gỉ ở dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác; bán thành phẩm của thép không gỉ**	
7218	10	- Ở dạng thỏi đúc và dạng thô khác	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
7218	91	- - Có mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông)	RVC (40) hoặc CTH
7218	99	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
72.19		**Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên**	
		- Không gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn:	
7219	11	- - Chiều dày trên 10mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	12	- - Chiều dày từ 4,75mm đến 10mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	13	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	14	- - Chiều dày dưới 3mm	RVC (40) hoặc CTH
		- Không gia công quá mức cán nóng, không ở dạng cuộn:	
7219	21	- - Chiều dày trên 10mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	22	- - Chiều dày từ 4,75mm đến 10mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	23	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CTH
7219	24	- - Chiều dày dưới 3mm	RVC (40) hoặc CTH
		- Không gia công quá mức cán nguội:	
7219	31	- - Chiều dày từ 4,75mm trở lên	RVC (40) hoặc CTSH
7219	32	- - Chiều dày từ 3mm đến dưới 4,75mm	RVC (40) hoặc CTSH
7219	33	- - Chiều dày từ 1mm đến dưới 3mm	RVC (40) hoặc CTSH
7219	34	- - Chiều dày từ 0,5mm đến 1mm	RVC (40) hoặc CTSH
7219	35	- - Chiều dày dưới 0,5mm	RVC (40) hoặc CTSH
7219	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTSH
72.20		**Các sản phẩm thép không gỉ được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm**	
		- Không gia công quá mức cán nóng:	
7220	11	- - Chiều dày từ 4,75mm trở lên:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7220	12	- - Chiều dày dưới 4,75mm:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7220	20	- Không gia công quá mức cán nguội:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7220	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7221	**00**	**Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuốn không đều**	RVC (40) hoặc CTH
72.22		**Thép không gỉ dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác**	
		- Dạng thanh và que, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn qua khuôn:	

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7222	11	- - Có mặt cắt ngang hình tròn	RVC (40) hoặc CTH
7222	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7222	20	- Dạng thanh và que, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC (40) hoặc CTH
7222	30	- Các thanh và que khác:	RVC (40) hoặc CTH
7222	40	- Các dạng góc, khuôn và hình:	RVC (40) hoặc CTH
7223	**00**	**Dây thép không gỉ**	RVC (40) hoặc CTH
72.24		**Thép hợp kim khác ở dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác; các bán thành phẩm bằng thép hợp kim khác**	
7224	10	- Ở dạng thỏi đúc và dạng thô khác	RVC (40) hoặc CTH
7224	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
72.25		**Thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên**	
		- Bằng thép silic kỹ thuật điện:	
7225	11	- - Các hạt (cấu trúc tế vi) kết tinh có định hướng	RVC (40) hoặc CTH
7225	19	- - Loại khác	RVC (40) hoặc CTH
7225	30	- Loại khác, không gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn:	RVC (40) hoặc CTH
7225	40	- Loại khác, không gia công quá mức cán nóng, không ở dạng cuộn:	RVC (40) hoặc CTH
7225	50	- Loại khác, chưa được gia công quá mức cán nguội:	RVC (40) hoặc CTH
		- Loại khác:	
7225	91	- - Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC (40) hoặc CTH
7225	92	- - Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	RVC (40) hoặc CTH
7225	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH
72.26		**Sản phẩm của thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm**	
		- Bằng thép silic kỹ thuật điện:	
7226	11	- - Các hạt tinh thể (cấu trúc tế vi) có định hướng:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226	19	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226	20	- Bằng thép gió:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
		- Loại khác:	
7226	91	- - Chưa được gia công quá mức cán nóng:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226	92	- - Chưa gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226	99	- - Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
72.27		**Các dạng thanh và que, của thép hợp kim khác, được cán nóng, dạng cuộn không đều**	
7227	10	- Bằng thép gió	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
7227	20	- Bằng thép mangan - silic	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
7227	90	- Loại khác	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
72.28		**Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim**	
7228	10	- Ở dạng thanh và que, bằng thép gió:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	20	- Ở dạng thanh và que, bằng thép silic-mangan:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	30	- Dạng thanh và que khác, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	40	- Các loại thanh và que khác, không gia công quá mức rèn:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	50	- Các loại thanh và que khác, không gia công quá mức cán nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	60	- Các loại thanh và que khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	70	- Các dạng góc, khuôn và hình:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228	80	- Thanh và que rỗng:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
72.29		**Dây thép hợp kim khác**	
7229	20	- Bằng thép silic-mangan	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227 hoặc 7228
7229	90	- Loại khác:	RVC (40) hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227 hoặc 7228

(Xem tiếp Công báo số 1035 + 1036)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng